TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 01 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Ông Trần Văn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 325/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 438/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị B*, anh* S *vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B *trình bày:* Chị và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị và anh S tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm

nên thường phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2014, chị và anh S đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh S có liên lạc nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Về con chung: Chị và anh S có hai người con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/9/1992 và cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/9/2005. Cả hai cháu đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện hai cháu đang sống chung với chị. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S *đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị B và anh S là vợ chồng. Về con chung: Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/9/1992 và cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/9/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị B phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S. Khi khởi kiện, anh S trú tại ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Nguyễn Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên

Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh S và chị B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị B và anh S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị B và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 và đã có hai người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị B và anh S là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị B yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh S.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị B và anh S có 02 người con là Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/9/1992 và cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/9/2005, hiện cháu H và cháu H1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng. Chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007166 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh S là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/9/1992 và cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/9/2005 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007166 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào